

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định phân công, phân cấp thực hiện
Thông tư số 45/2014/TT-BNNPTNT, Thông tư số 51/2014/TT-BNNPTNT
của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007 và Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

Căn cứ Luật An toàn thực phẩm ngày 17 tháng 6 năm 2010 và Nghị định số 38/2012/NĐ-CP ngày 25/4/2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 13/2014/TT-BYT-BNNPTNT-BCT ngày 09/4/2014 của Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và PTNT và Bộ Công thương hướng dẫn việc phân công, phối hợp trong quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm;

Căn cứ Thông tư số 45/2014/TT-BNNPTNT ngày 03/12/2014 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định việc kiểm tra cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp và kiểm tra, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm;

Căn cứ Thông tư số 51/2014/TT-BNNPTNT ngày 27/12/2014 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm và phương thức quản lý đối với cơ sở sản xuất ban đầu nhỏ lẻ;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 725/TTr-SNN ngày 20/3/2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định phân công, phân cấp thực hiện Thông tư số 45/2014/TT-BNNPTNT ngày 03/12/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định việc kiểm tra cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp và kiểm tra, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm

thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm và Thông tư số 51/2014/TT-BNNPTNT ngày 27/12/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm và phương thức quản lý đối với cơ sở sản xuất ban đầu nhỏ lẻ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Bãi bỏ các quy định trước đây trái với quy định của Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Y tế, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa, Thủ trưởng các tổ chức, cơ quan, đơn vị và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

Như Điều 3;

- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Bộ Y tế;
- Cục Quản lý chất lượng NLS và Thủy sản;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT. UBND tỉnh;
- Chánh, Phó Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT-TH (CNN, VX).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Võ Văn Chánh



QUY ĐỊNH

Về phân công, phân cấp thực hiện

Thông tư số 45/2014/TT-BNNPTNT, Thông tư số 51/2014/TT-BNNPTNT
của Bộ Nông nghiệp và PTNT trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

(Ban hành kèm theo Quyết định số 862/QĐ-UBND ngày 3/4/2015 của UBND tỉnh
Đồng Nai)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định việc phân công, phân cấp thực hiện Thông tư số 45/2014/TT-BNNPTNT ngày 03/12/2014 của Bộ Nông nghiệp và PTNT Quy định việc kiểm tra cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp và kiểm tra, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm và Thông tư số 51/2014/TT-BNNPTNT ngày 27/12/2014 của Bộ Nông nghiệp và PTNT Quy định điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm và phương thức quản lý đối với cơ sở sản xuất ban đầu nhỏ lẻ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai cho Sở Nông nghiệp và PTNT; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa (sau đây viết tắt là Ủy ban nhân dân cấp huyện).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các tổ chức cá nhân tham gia hoạt động sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp, hoạt động sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản, nước sinh hoạt nông thôn trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 3. Nguyên tắc chung

Việc phân công, phân cấp nhằm nâng cao trách nhiệm và tăng cường phối hợp giữa Sở Nông nghiệp và PTNT, Ủy ban nhân dân cấp huyện, đảm bảo sự thống nhất, phù hợp với quy định của pháp luật.

Bảo đảm tất cả các cơ sở đều phải chịu sự quản lý của cơ quan quản lý nhà nước; một cơ sở chỉ chịu sự quản lý của một cơ quan quản lý nhà nước; đối với cơ sở có nhiều loại hình sản xuất, kinh doanh, loại hình nào có sản lượng (hoặc

doanh thu) lớn thì thuộc thẩm quyền quản lý trực tiếp của cơ quan quản lý nhà nước đó.

Điều 4. Quy định chung

1. Cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp nêu trong quy định này là các cơ sở được quy định tại Khoản 1, Điều 2; Khoản 3 và Khoản 5, Điều 3 Thông tư số 45/2014/TT-BNNPTNT ngày 03/12/2014 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định việc kiểm tra cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp và kiểm tra, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm.

2. Cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản nêu trong quy định này bao gồm các cơ sở được quy định tại Khoản 3, Điều 2 Thông tư số 45/2014/TT-BNNPTNT ngày 03/12/2014 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định việc kiểm tra cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp và kiểm tra, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm.

3. Cơ sở sản xuất ban đầu, ban đầu nhỏ lẻ nêu trong quy định này là các cơ sở được quy định tại Khoản 1, 2, Điều 3 Thông tư số 51/2014/TT-BNNPTNT ngày 27/12/2014 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm và phương thức quản lý đối với cơ sở sản xuất ban đầu nhỏ lẻ.

Chương II

NỘI DUNG PHÂN CÔNG, PHÂN CẤP

Điều 5. Phân công, phân cấp quản lý đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp, nước sinh hoạt nông thôn

Trách nhiệm quản lý đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp, nước sinh hoạt nông thôn trên địa bàn tỉnh được phân công, phân cấp cho Sở Nông nghiệp và PTNT; Ủy ban nhân dân cấp huyện tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Quy định này.

Điều 6. Phân công, phân cấp quản lý đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản

Trách nhiệm quản lý đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản trên địa bàn tỉnh được phân công, phân cấp cho Sở Nông nghiệp và PTNT; Ủy ban nhân dân cấp huyện tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Quy định này.

Chương III

**KIỂM TRA CƠ SỞ SẢN XUẤT KINH DOANH
VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP VÀ SẢN PHẨM NÔNG LÂM THỦY SẢN;
CHỨNG NHẬN CƠ SỞ SẢN XUẤT, KINH DOANH NÔNG LÂM THỦY
SẢN ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM**

Điều 7. Kiểm tra cơ sở sản xuất kinh doanh vật tư nông nghiệp và sản phẩm nông lâm thủy sản.

Các cơ quan quản lý nhà nước quy định tại Điều 5, Điều 6 Quy định này có trách nhiệm kiểm tra các cơ sở theo quy định tại Mục 1, Chương II Thông tư số 45/2014/TT-BNNPTNT ngày 03/12/2014 của Bộ Nông nghiệp và PTNT, Chương III Thông tư số 51/2014/TT-BNNPTNT ngày 27/12/2014 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.

Điều 8. Chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm.

Cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm là các cơ quan kiểm tra quy định tại Điều 6 Quy định này, theo nguyên tắc cơ quan nào kiểm tra thì cơ quan đó cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm.

Trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thực hiện theo quy định tại Điều 18 Thông tư số 45/2014/TT-BNNPTNT ngày 03/12/2014 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.

Điều 9. Cấp Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm cho chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm

Cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm là các cơ quan nêu tại Điều 8 quy định này, theo nguyên tắc cơ quan nào cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thì cơ quan đó cấp Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm.

Hồ sơ đề nghị cấp Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm, quy trình xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm, quản lý Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm được quy định tại Điều 10, Điều 11 Thông tư liên tịch số 13/2014/TT-BYT-BNNPTNT-BCT ngày 09/4/2014 của Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và PTNT và Bộ Công thương hướng dẫn việc phân công, phối hợp trong quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm.

Chương IV

**TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC
VỀ CHẤT LƯỢNG VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP, AN TOÀN**

THỰC PHẨM NÔNG LÂM THỦY SẢN

Điều 10. Trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và PTNT.

Sở Nông nghiệp và PTNT là cơ quan chuyên môn giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất quản lý nhà nước về chất lượng vật tư nông nghiệp, an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản trên địa bàn tỉnh, có trách nhiệm:

1. Tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo triển khai thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp, an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản trên địa bàn tỉnh.

2. Hướng dẫn việc tổ chức triển khai thực hiện Thông tư số 45/2014/TT-BNNPTNT ngày 03/12/2014 và Thông tư số 51/2014/TT-BNNPTNT ngày 27/12/2014 của Bộ Nông nghiệp và PTNT trên địa bàn tỉnh.

3. Tổ chức kiểm tra, xếp loại các cơ sở theo phân công, phân cấp tại Quy định này.

4. Đào tạo, tập huấn, hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ cho cơ quan kiểm tra cấp huyện, cán bộ được giao nhiệm vụ kiểm tra.

5. Thông báo công khai trên phương tiện thông tin đại chúng danh sách các cơ sở đủ điều kiện và chưa đủ điều kiện đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm thuộc phạm vi phân công, phân cấp.

6. Phúc kiểm quy trình thực hiện của các cơ quan kiểm tra thuộc ủy ban nhân dân cấp huyện theo nhiệm vụ được phân công.

7. Lưu trữ có hệ thống các hồ sơ liên quan đến hoạt động kiểm tra, đánh giá phân loại các cơ sở thuộc phạm vi phân công, phân cấp.

8. Hàng năm có trách nhiệm lập Kế hoạch và dự toán kinh phí thực hiện công tác quản lý, kiểm tra các cơ sở sản xuất, kinh doanh được phân công, phân cấp theo Quy định này.

9. Thực hiện báo cáo định kỳ và báo cáo đột xuất về Bộ Nông nghiệp và PTNT và Ủy ban nhân dân tỉnh theo chế độ báo cáo hiện hành.

Điều 11. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Phân công trách nhiệm quản lý các cơ sở theo phân công, phân cấp cho các phòng, ban chuyên môn, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn trực thuộc.

2. Hướng dẫn Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn, các tổ chức cá nhân sản xuất, kinh doanh trên địa bàn thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp, an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản.

3. Tổ chức kiểm tra, xếp loại các cơ sở theo phân công, phân cấp thuộc địa bàn quản lý tại Quy định này.

4. Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kiểm tra việc tuân thủ các quy định về quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp, an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản đối với các cơ sở trên địa bàn cấp huyện.

5. Thông báo công khai trên phương tiện thông tin đại chúng danh sách các cơ sở đủ điều kiện và chưa đủ điều kiện đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm thuộc phạm vi phân công, phân cấp.

6. Lưu trữ có hệ thống các hồ sơ liên quan đến hoạt động kiểm tra, đánh giá phân loại các cơ sở thuộc phạm vi phân công, phân cấp.

7. Hàng năm, lập Kế hoạch và dự toán kinh phí thực hiện công tác quản lý, kiểm tra các cơ sở sản xuất, kinh doanh được phân công, phân cấp theo Quy định này; báo cáo và đăng ký Kế hoạch - dự toán kinh phí về Sở Tài chính theo phân cấp.

8. Báo cáo kết quả thực hiện định kỳ hoặc đột xuất về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo chế độ báo cáo hiện hành.

Điều 12. Trách nhiệm của Sở Tài chính

Thực hiện thẩm định, phê duyệt kinh phí từ nguồn ngân sách hàng năm cho Sở Nông nghiệp và PTNT, Ủy ban nhân dân cấp huyện theo quy định, đảm bảo đủ điều kiện cần thiết để các cơ quan quản lý nhà nước thực hiện trách nhiệm được phân công, phân cấp theo đúng Quy định này và các quy định của pháp luật về quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp, an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13. Điều khoản thi hành

1. Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Giám đốc Sở Tài chính căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao có trách nhiệm tổ chức bộ máy, nhân sự và đảm bảo điều kiện cần thiết để thực hiện trách nhiệm được phân công, phân cấp theo đúng quy định này và các quy định nhà nước hiện hành liên quan.

2. Các cơ sở sản xuất, kinh doanh có trách nhiệm chấp hành đầy đủ các nội dung của quy định này và các quy định khác của pháp luật có liên quan về chất lượng, an toàn thực phẩm và chịu sự kiểm tra của các cơ quan quản lý nhà nước.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có nội dung chưa phù hợp hoặc phát sinh mới, các cơ quan, đơn vị, cá nhân kịp thời báo cáo về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Võ Văn Chánh



Phụ lục 1:

PHÂN CÔNG, PHÂN CẤP QUẢN LÝ ĐỐI VỚI CƠ SỞ SẢN XUẤT KINH DOANH VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP VÀ NƯỚC SINH HOẠT NÔNG THÔN
(Ban hành kèm theo Quyết định số 26.2 ngày 13/4/2015 của UBND tỉnh Đồng Nai)

ST T	ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ VÀ LOẠI HÌNH CƠ SỞ	CĂN CỨ
I	Sở Nông nghiệp và PTNT: Chịu trách nhiệm quản lý đối với các cơ sở có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do UBND cấp tỉnh cấp (Giấy CN ĐKKD do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp, Giấy CN Đầu tư do Ban Quản lý các khu công nghiệp cấp)	
1.	Chi cục Thú y	
1.1	Cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm	Thông tư 45/2014/TT-BNNPTNT - Phụ lục II - BB 1.5
1.2	Cơ sở kinh doanh thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm	Thông tư 45/2014/TT-BNNPTNT - Phụ lục II - BB 1.6
1.3	Chủ trì quản lý các cơ sở sản xuất thuốc thú y, hóa chất, chế phẩm sinh học, vi sinh vật dùng trong thú y, thú y thủy sản (Chi cục Thủy sản phối hợp trong lĩnh vực thủy sản);	Thông tư 45/2014/TT-BNNPTNT - Phụ lục II - BB 1.7
1.4	Chủ trì quản lý các cơ sở kinh doanh thuốc thú y, hóa chất, chế phẩm sinh học, vi sinh vật dùng trong thú y, thú y thủy sản (Chi cục Thủy sản phối hợp trong lĩnh vực thủy sản);	Thông tư 45/2014/TT-BNNPTNT - Phụ lục II - BB 1.8
2.	Chi cục Thủy sản	
2.1	Cơ sở sản xuất thức ăn thủy sản	Thông tư 45/2014/TT-BNNPTNT - Phụ lục II - BB 1.1
2.2	Cơ sở sản xuất sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong nuôi trồng thủy sản	Thông tư 45/2014/TT-BNNPTNT - Phụ lục II - BB 1.2
2.3	Cơ sở kinh doanh thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong nuôi trồng thủy sản;	Thông tư 45/2014/TT-BNNPTNT - Phụ lục II - BB 1.3
2.4	Cơ sở sản xuất, kinh doanh giống thủy sản	Thông tư 45/2014/TT-BNNPTNT - Phụ lục II - BB 1.4
3	Chi cục Bảo vệ thực vật	
3.1	Cơ sở sản xuất, kinh doanh giống cây trồng lâm nghiệp	Thông tư 45/2014/TT-BNNPTNT - Phụ lục II - BB 1.9
3.2	Cơ sở sản xuất giống cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm bằng phương pháp vô tính;	Thông tư 45/2014/TT-BNNPTNT - Phụ lục II - BB 1.10
3.3	Cơ sở kinh doanh giống cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm bằng phương pháp vô tính;	Thông tư 45/2014/TT-BNNPTNT - Phụ lục II - BB 1.11

3.4	Cơ sở sản xuất phân bón hữu cơ và phân bón khác	Thông tư 45/2014/TT-BNNPTNT - Phụ lục II - BB 1.12
3.5	Cơ sở kinh doanh phân bón hữu cơ và phân bón khác	Thông tư 45/2014/TT-BNNPTNT - Phụ lục II - BB 1.13
3.6	Cơ sở sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói thuốc bảo vệ thực vật	Thông tư 45/2014/TT-BNNPTNT - Phụ lục II - BB 1.14
3.7	Cơ sở buôn bán thuốc bảo vệ thực vật	Thông tư 45/2014/TT-BNNPTNT - Phụ lục II - BB 1.15
3.8	Cơ sở sản xuất hạt giống cây trồng nông nghiệp	Thông tư 45/2014/TT-BNNPTNT - Phụ lục II - BB 1.17
3.9	Cơ sở kinh doanh hạt giống cây trồng nông nghiệp	Thông tư 45/2014/TT-BNNPTNT - Phụ lục II - BB 1.18
4	Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản	
4.1	Cơ sở sản xuất, kinh doanh nước sinh hoạt nông thôn	Thông tư 45/2014/TT-BNNPTNT - Phụ lục II - BB 1.16
II	UBND cấp huyện, thị xã Long Khánh và Tp. Biên Hòa chịu trách nhiệm quản lý:	
1	Cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy chứng nhận đầu tư do UBND cấp huyện cấp.	Các biểu mẫu tại Thông tư 45/2014/TT-BNNPTNT - Phụ lục II
2	Cơ sở sản xuất, kinh doanh nước sinh hoạt nông thôn không có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy chứng nhận đầu tư do UBND cấp huyện cấp.	Thông tư 45/2014/TT-BNNPTNT - Phụ lục II - BB 1.16



Phụ lục 2:

PHÂN CÔNG, PHÂN CẤP QUẢN LÝ ĐỐI VỚI CƠ SỞ SẢN XUẤT KINH DOANH THỰC PHẨM NÔNG LÂM THỦY SẢN
(Ban hành kèm theo Quyết định số 262 ngày 13/4/2015 của UBND tỉnh Đồng Nai)

STT	ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ VÀ LOẠI HÌNH CƠ SỞ	CĂN CỨ
I	Sở Nông nghiệp và PTNT: Chịu trách nhiệm quản lý đối với các cơ sở có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do UBND cấp tỉnh cấp (Giấy CN ĐKKD do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp, Giấy CN Đầu tư do Ban Quản lý các khu công nghiệp cấp)	
1.	Chi cục Thú y	
1.1	Trại chăn nuôi gia cầm	Thông tư 45/2014/TT-BNNPTNT - Phụ lục III B - BB 2.12
1.2	Trại chăn nuôi lợn (heo)	Thông tư 45/2014/TT-BNNPTNT - Phụ lục III B - BB 2.13
1.3	Trang trại chăn nuôi bò sữa	Thông tư 45/2014/TT-BNNPTNT - Phụ lục III B - BB 2.14
1.4	Cơ sở giết mổ gia cầm	Thông tư 45/2014/TT-BNNPTNT - Phụ lục III B - BB 2.15
1.5	Cơ sở giết mổ gia súc	Thông tư 45/2014/TT-BNNPTNT - Phụ lục III B - BB 2.16
1.6	Các cơ sở sản xuất ban đầu sản phẩm có nguồn gốc động vật trên cạn	Thông tư 45/2014/TT-BNNPTNT - Phụ lục IV - BB 3.1
1.7	Cơ sở thu gom, sơ chế, giết mổ sản phẩm có nguồn gốc từ động vật trên cạn	Thông tư 45/2014/TT-BNNPTNT - Phụ lục IV - BB 3.3
1.8	Kho lạnh bảo quản sản phẩm động vật trên cạn	Thông tư 45/2014/TT-BNNPTNT - Phụ lục IV - BB 3.6
1.9	Cơ sở sản xuất dụng cụ, vật liệu bao gói chứa đựng sản phẩm thực phẩm (gắn liền với cơ sở sản xuất thực phẩm có nguồn gốc động vật trên cạn)	Thông tư 45/2014/TT-BNNPTNT - Phụ lục IV - BB 3.7
2.	Chi cục Thủy sản	
2.1	Cơ sở nuôi trồng thủy sản thâm canh, bán thâm canh	Thông tư 45/2014/TT-BNNPTNT - Phụ lục III A - BB 2.1
2.2	Cơ sở sản xuất ban đầu nhỏ lẻ đối với nuôi trồng thủy sản thâm canh, bán thâm canh (không có giấy ĐKKD, giấy chứng nhận doanh nghiệp, giấy chứng nhận đầu tư)	Thông tư 51/2014/TT-BNNPTNT
2.3	Cơ sở sản xuất ban đầu sản phẩm thủy sản	Thông tư 45/2014/TT-BNNPTNT - Phụ lục IV - BB 3.1
2.4	Cơ sở sản xuất dụng cụ, vật liệu bao gói chứa đựng sản phẩm thực phẩm (gắn liền với cơ sở sản xuất	Thông tư 45/2014/TT-BNNPTNT - Phụ lục IV - BB 3.7

www.ThuVienPhapLuat.vn
Tel: +84-8-3930-3279
LawSoft

	thực phẩm thủy sản)	
3	Chi cục Bảo vệ thực vật	
3.1	Cơ sở sản xuất rau, quả, chè	Thông tư 45/2014/TT-BNNPTNT - Phụ lục III C - BB 2.17
3.2	Cơ sở sơ chế rau, quả	Thông tư 45/2014/TT-BNNPTNT - Phụ lục III C - BB 2.18
3.3	Cơ sở sản xuất ban đầu sản phẩm có nguồn gốc thực vật	Thông tư 45/2014/TT-BNNPTNT - Phụ lục IV - BB 3.2
3.4	Cơ sở thu gom gắn với sơ chế sản phẩm có nguồn gốc thực vật	Thông tư 45/2014/TT-BNNPTNT - Phụ lục IV - BB 3.3
3.5	Kho lạnh bảo quản sản phẩm có nguồn gốc thực vật	Thông tư 45/2014/TT-BNNPTNT - Phụ lục IV - BB 3.6
3.6	Cơ sở sản xuất dụng cụ, vật liệu bao gói chứa đựng sản phẩm thực phẩm (gắn liền với cơ sở sản xuất thực phẩm có nguồn gốc thực vật).	Thông tư 45/2014/TT-BNNPTNT - Phụ lục IV - BB 3.7
4	Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản	
4.1	Chợ cá	Thông tư 45/2014/TT-BNNPTNT - Phụ lục III A - BB 2.3
4.2	Cơ sở thu mua thủy sản	Thông tư 45/2014/TT-BNNPTNT - Phụ lục III A - BB 2.4
4.3	Cơ sở sơ chế, chế biến thủy sản đăng ký doanh nghiệp (cơ sở sơ chế, chế biến thủy sản quy mô doanh nghiệp)	Thông tư 45/2014/TT-BNNPTNT - Phụ lục III A - BB 2.8
4.4	Cơ sở sản xuất nước mắm, sản phẩm dạng mắm đăng ký doanh nghiệp (cơ sở sản xuất nước mắm, sản phẩm dạng mắm quy mô doanh nghiệp)	Thông tư 45/2014/TT-BNNPTNT - Phụ lục III A - BB 2.9
4.5	Cơ sở sản xuất thủy sản hàng khô đăng ký doanh nghiệp (cơ sở sản xuất thủy sản hàng khô quy mô doanh nghiệp)	Thông tư 45/2014/TT-BNNPTNT - Phụ lục III A - BB 2.10
4.6	Cơ sở sản xuất đồ hộp thủy sản	Thông tư 45/2014/TT-BNNPTNT - Phụ lục III A - BB 2.11
4.7	Cơ sở chế biến rau quả	Thông tư 45/2014/TT-BNNPTNT - Phụ lục III C - BB 2.19
4.8	Cơ sở chế biến chè	Thông tư 45/2014/TT-BNNPTNT - Phụ lục III C - BB 2.20
4.9	Cơ sở chế biến điều	Thông tư 45/2014/TT-BNNPTNT - Phụ lục III C - BB 2.21
4.10	Cơ sở chế biến cà phê nhân	Thông tư 45/2014/TT-BNNPTNT - Phụ lục III C - BB 2.22
4.11	Cơ sở chế biến cà phê rang, cà phê rang xay (cà phê	Thông tư 45/2014/TT-BNNPTNT

	bột), cà phê hòa tan	- Phụ lục III C - BB 2.23
4.12	Cơ sở sản xuất nước đá phục vụ sản xuất và bảo quản nông thủy sản thực phẩm	Thông tư 45/2014/TT-BNNPTNT - Phụ lục III D - BB 2.24
4.13	Các cơ sở chế biến nông lâm thủy sản	Thông tư 45/2014/TT-BNNPTNT - Phụ lục IV - BB 3.3
4.14	Chợ đầu mối, đấu giá nông lâm thủy sản	Thông tư 45/2014/TT-BNNPTNT - Phụ lục IV - BB 3.4
4.15	Cơ sở kinh doanh nông lâm thủy sản (chuyên doanh)	Thông tư 45/2014/TT-BNNPTNT - Phụ lục IV - BB 3.5
4.16	Kho lạnh bảo quản sản phẩm thủy sản	Thông tư 45/2014/TT-BNNPTNT - Phụ lục IV - BB 3.6
4.17	Cơ sở kinh doanh dụng cụ, vật liệu bao gói chứa đựng sản phẩm thực phẩm nông lâm thủy sản (gắn với cơ sở kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản).	Thông tư 45/2014/TT-BNNPTNT - Phụ lục IV - BB 3.7
II	Trách nhiệm UBND cấp huyện, thị xã Long Khánh và Tp. Biên Hòa chịu trách nhiệm quản lý:	
1	Cơ sở sản xuất ban đầu thực phẩm nông lâm thủy sản có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy chứng nhận đầu tư, Giấy chứng nhận kinh tế trang trại do UBND cấp huyện cấp	Các biểu mẫu tại Thông tư 45/2014/TT-BNNPTNT - Phụ lục III, IV
2	Cơ sở sản xuất ban đầu nhỏ lẻ (trừ các cơ sở nuôi trồng thủy sản thâm canh, bán thâm canh đã phân cấp cho Chi cục thủy sản)	Thông tư 51/2014/TT-BNNPTNT
3	Các cơ sở không có hoặc có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy chứng nhận đầu tư, Giấy chứng nhận kinh tế trang trại do UBND cấp huyện gồm: - Cơ sở thu gom, sơ chế, chế biến, kinh doanh sản phẩm thực phẩm thuộc thẩm quyền quản lý của bộ nông nghiệp và PTNT; - Cơ sở sản xuất, kinh doanh nước đá sử dụng để bảo quản, chế biến sản phẩm thực phẩm thuộc thẩm quyền quản lý của bộ nông nghiệp và PTNT; - Cơ sở sản xuất, kinh doanh dụng cụ, vật liệu bao gói chứa đựng sản phẩm thực phẩm gắn liền cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản.	Các biểu mẫu tại Thông tư 45/2014/TT-BNNPTNT - Phụ lục III, IV